TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: ...../2018/DS-ST
Ngày 15/6/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sở thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Hồng Giang - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Phiên

2. Bà Nguyễn Thị Tin

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 15/6/2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 73/2009/TLST-DS ngày 15/12/2009 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-DS ngày 24/5/2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đức Nh, sinh năm 1949 (Có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thành B, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

Đều trú tại địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Đức Nh trình bày:

Do có mối quan hệ họ hàng, làng xóm nên anh B đã đến nhà ông hỏi vay tiền nhiều lần và ông đã cho anh B vay 02 lần với tổng số tiền là 60.000.000 đồng. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 29/02/2008, anh B vay của ông số tiền 20.000.000 đồng để dùng vào việc riêng, với thời hạn vay thỏa thuận miệng là 02 tháng. Khi vay tiền anh Bắc có lập "Biên nhận vay tiền" và ký nhận. Hai bên thỏa thuận lãi xuất là 6%/tháng, trả lãi theo hàng tháng.

Lần thứ hai: Ngày 09/4/2008, anh B vay của ông số tiền 40.000.000 đồng để dùng vào việc riêng, với thời hạn vay thỏa thuận miệng là 02 tuần sau sẽ trả hết cả số tiền 60.000.000 đồng. Khi vay tiền anh B có lập "Biên nhận vay tiền" và ký nhận. Hai bên không thỏa thuận lãi suất.

Sau 02 lần vay tiền, anh B đã không trả được cho ông theo như thỏa thuận. Ông đã nhiều lần đòi nhưng anh B không trả. Năm 2009, ông đã khởi kiện yêu cầu anh B trả tiền nợ. Tuy nhiên, sau đó ông đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án để hai bên tự thỏa thuận. Đến nay, anh B vẫn chưa thanh toán cho ông số tiền nợ. Nay ông đề nghị Tòa án xét xử buộc anh B phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng. Ông tự nguyện không yêu cầu anh B phải trả lãi suất.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Thành B trình bày: Anh thừa nhận anh có vay của ông Nguyễn Đức Nh hai lần với tổng số tiền là 60.000.000 đồng. Anh không nhớ hai bên thỏa thuận thời hạn vay là bao lâu và lãi suất là bao nhiêu. Khi vay chỉ có một mình anh đứng ra vay tiền của ông Nh vì anh vay để sử dụng vào mục đích riêng. Nay ông Nh khởi kiện anh đòi số tiền nợ nêu trên, anh nhất trí số tiền nợ ông Nh nhưng anh đề nghị xem xét cho hoàn cảnh kinh tế của anh. Gia đình anh thuộc diện hộ nghèo, bản thân anh nhiều bệnh tật phải đi bệnh viện thường xuyên và không có khả năng trả nợ cho ông Nh.

Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn là ông Nguyễn Đức Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, còn anh Nguyễn Thành B có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến của anh như đã trình bày ở trên.

- Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án

của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, VKSND huyện không có kiến nghị gì. Phía nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Phía bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung. Đại diện VKSND huyện không có kiến nghị gì.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26, 35, từ Điều 93 đến Điều 99, Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 388, 401, 471, khoản 1 Điều 474, khoản 2 Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005. điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để xử:

Buộc anh Nguyễn Thành B có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Đức Nh số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng.

Về lãi suất: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Do anh Nguyễn Thành B thuộc diện hộ nghèo nên cần miễn án phí cho anh B theo quy định. Hoàn trả 1.000.000 đồng, tiền tạm ứng án phí cho ông Nh.

Ngoài ra, đại diện VKSND huyện còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đều cư trú tại huyện Y nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y. Trong vụ án này, anh Nguyễn Thành B là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung: Theo 02 "Biên nhận vay tiền" do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ và sự thừa nhận của anh Nguyễn Thành B, HĐXX đã có đầy đủ căn cứ xác định giữa ông Nguyễn Đức Nh và anh Nguyễn Thành B có xác lập 02 hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn. Lần thứ nhất có thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng, lần thứ hai không có thỏa thuận lãi suất.

Theo đó, Ngày 29/02/2008, anh B vay của ông số tiền 20.000.000 đồng không có thời hạn vay, hai bên thỏa thuận lãi xuất là 6%/tháng, trả lãi theo hàng tháng. Ngày 09/4/2008, anh B vay của ông số tiền 40.000.000 đồng, không có thời hạn vay và không thỏa thuận lãi suất. Tổng cộng anh Nguyễn Thành B vay của ông Nguyễn Đức Nh hai lần với số tiền là 60.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu của ông Nh Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù trong các Giấy vay tài sản không ghi thời hạn thanh toán nhưng theo nguyên đơn khai là vay có thời hạn (lần 1 là 02 tháng và lần 2 là 02 tuần sẽ trả hết). Hết thời hạn, phía anh B không thanh toán trả nợ cho ông Nh nên thực tế ông Nh đã khởi kiện anh B từ ngày 15/12/2009 và anh B đã nhận Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Tuy nhiên, sau đó ông Nh đã đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án để 2 bên tự dàn xếp. Do anh B không trả nợ, vì vậy, ông tiếp tục đề nghị Tòa án buộc anh B trả nợ ông số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng. HĐXX thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nh là có căn cứ, được chấp nhận theo quy định tại các Điều 280, 281, 388, 401, 471 và khoản 1 Điều 474, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Về lãi suất: Ông Nh tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Như vậy, HĐXX thấy cần buộc anh Nguyễn Thành B phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Đức Nh số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận nên ông Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh B thuộc diện hộ nghèo nên cần miễn án phí cho anh B là có căn cứ.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, 35, 144, 147, 150, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 281, 388, 401, 471, Điều 474 và Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức Nh.

Buộc anh Nguyễn Thành B phải trả ông Nguyễn Đức Nh số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Nguyễn Thành B.

Ông Nguyễn Đức Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Đức Nh số tiền 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông đã nộp theo biên lai số 000634 ngày 15 tháng 12 năm 2009 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày ông Nh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh B không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng anh B còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357- Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thân Hồng Giang